

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP, Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền ngày 15 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Luật Phòng, chống khủng bố ngày 12 tháng 6 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP, Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành

chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ

1. Bổ sung điểm p sau điểm o tại khoản 2 Điều 1 như sau:

“p) Vi phạm quy định về tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 2 Điều 2 và bổ sung điểm n sau điểm m tại khoản 2 Điều 2 như sau:

“h) Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con; Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con;

n) Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa, tổ chức phát hành tài sản mã hóa, tổ chức, cá nhân Việt nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia đầu tư tài sản mã hóa và hoạt động trên thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam.”

3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản tại Điều 3 như sau:

“a) Bổ sung khoản 1a và khoản 1b sau khoản 1 Điều 3 như sau:

“1a. “Sử dụng thông tin nội bộ để giao dịch tài sản mã hóa” là việc sử dụng hoặc tiết lộ hoặc cung cấp thông tin liên quan đến tổ chức phát hành tài sản mã hóa hoặc tài sản mã hóa chưa được công bố mà nếu được công bố có thể ảnh hưởng lớn đến giá tài sản mã hóa, để giao dịch tài sản mã hóa cho chính mình hoặc cho người khác hoặc tư vấn cho người khác giao dịch tài sản mã hóa.

1b. “Thao túng thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam” là việc thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Sử dụng một hoặc nhiều tài khoản giao dịch của mình hoặc của người khác hoặc thông đồng liên tục giao dịch tài sản mã hóa nhằm tạo ra cung, cầu giả tạo;

b) Thông đồng với nhau giao dịch tài sản mã hóa mà không dẫn đến chuyển nhượng thực sự quyền sở hữu hoặc quyền sở hữu chỉ luân chuyển giữa các thành viên trong nhóm nhằm tạo giá tài sản mã hóa, cung cầu giả tạo;

c) Giao dịch chứng khoán bằng hình thức cấu kết, lôi kéo người khác liên tục đặt lệnh giao dịch tài sản mã hóa gây ảnh hưởng lớn đến cung cầu và giá tài sản mã hóa, thao túng giá tài sản mã hóa;

d) Đưa ra ý kiến một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua phương tiện thông tin đại chúng về một loại tài sản mã hóa, về tổ chức phát hành tài sản mã hóa nhằm tạo ảnh hưởng đến giá của loại tài sản đó sau khi đã thực hiện giao dịch và nắm giữ vị thế đối với loại tài sản đó;

đ) Sử dụng các phương thức hoặc thực hiện các hành vi giao dịch khác hoặc kết hợp tung tin đồn sai sự thật, cung cấp thông tin sai lệch ra công chúng để tạo cung cầu giả tạo, thao túng giá tài sản mã hóa.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 3 như sau:

“8. “Đổi xử không công bằng với những người sở hữu cùng loại cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng đang được chào mua công khai” là việc tổ chức, cá nhân chào mua công khai áp dụng các điều kiện, điều khoản, quyền, lợi ích, nghĩa vụ, trách nhiệm không giống nhau khi chào mua từ các nhà đầu tư sở hữu cùng loại cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng đang được chào mua hoặc áp dụng không giống với nội dung điều khoản chào mua đã công bố.”.

4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 4 như sau:

“c) Đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 24 tháng;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 4 như sau:

“a) Đình chỉ hoạt động chào mua công khai, hoạt động kinh doanh chứng khoán, hoạt động văn phòng đại diện, hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán, hoạt động giao dịch chứng khoán, hoạt động cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa có thời hạn từ 01 tháng đến 24 tháng;”;

c) Sửa đổi, bổ sung các điểm h, k, l và o khoản 3 Điều 4 như sau:

"h) Buộc nộp hồ sơ đăng ký giao dịch, niêm yết chứng khoán cho Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con; buộc nộp hồ sơ đăng ký trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

k) Buộc quản lý tách biệt tài khoản lưu ký, tài khoản ký quỹ, tài khoản ký quỹ bù trừ là tiền và chứng khoán của khách hàng tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con, thành viên lưu ký, thành viên bù trừ với tài sản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con, thành viên lưu ký, thành viên bù trừ; buộc mở tài khoản lưu ký, tài khoản ký quỹ, tài khoản ký quỹ bù trừ chi tiết cho từng khách hàng; buộc quản lý tách biệt tài sản, vị thế giao dịch của từng khách hàng và của khách hàng với thành viên bù trừ; buộc xây dựng hệ thống quản lý tách bạch tiền của khách hàng;

l) Buộc quản lý tách biệt tài sản của thành viên bù trừ với tài sản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con; buộc quản lý tách biệt tài khoản, tài sản của từng thành viên bù trừ; buộc quản lý tách biệt tài khoản, tài sản ký quỹ của từng thành viên bù trừ và các khách hàng của chính thành viên bù trừ đó; buộc tách biệt giữa tài sản ký quỹ, tiền gửi thanh toán cho giao dịch chứng khoán phái sinh và tiền gửi thanh toán cho giao dịch chứng khoán cơ sở;

o) Buộc dừng hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ chứng khoán; buộc dừng thực hiện các hoạt động hoặc cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản mã hóa; buộc dừng thực hiện quảng cáo, tiếp thị liên quan đến tài sản mã hóa; buộc dừng thực hiện hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán ra công chúng; buộc giảm giá trị bảo lãnh phát hành chứng khoán ra công chúng theo đúng quy định;”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 và bổ sung các điểm d và đ vào sau điểm c khoản 3 Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính, vi phạm hành chính nhiều lần thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính nhiều lần và các vi phạm này được phát hiện ở cùng một thời điểm nhưng chưa bị xử phạt và chưa hết thời hiệu xử phạt thì xử phạt vi phạm hành chính một lần về hành vi vi phạm, đồng thời áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm hành chính nhiều lần. Đối với trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm hành chính nhiều lần quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8b; khoản 2 Điều 8c; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 33; khoản 4 Điều 42; khoản 3 Điều 43 bị xử phạt về một hành vi có khung phạt tiền cao nhất trong số các hành vi đã thực hiện và áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm hành chính nhiều lần.”.

b) Bổ sung các điểm d và đ vào sau điểm c khoản 3 Điều 5 như sau:

“d) Mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó. Nếu có 01 tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt cụ thể là mức trung bình giữa mức tối thiểu và mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó; trong trường hợp có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trở lên thì áp dụng mức tối thiểu của khung tiền phạt. Nếu có 01 tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt cụ thể là mức trung bình giữa mức tối đa và mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó; trong trường hợp có từ 02 tình tiết tăng nặng trở lên thì áp dụng mức tối đa của khung tiền phạt. Nếu vừa có tình tiết tăng nặng, vừa có tình tiết giảm nhẹ thì giảm trừ một tình tiết tăng nặng với một tình tiết giảm nhẹ;

đ) Thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, đình chỉ hoạt động cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung thời gian tước, đình chỉ được quy định đối với hành vi đó. Nếu có 01 tình tiết giảm nhẹ thì thời hạn bị tước hoặc đình chỉ cụ thể là mức trung bình giữa mức tối thiểu và mức trung bình của khung thời gian tước, đình chỉ được quy định đối với hành vi đó; trong trường hợp có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trở lên thì áp dụng mức tối thiểu của khung thời gian tước, đình chỉ. Nếu có 01 tình tiết tăng nặng thì thời hạn bị tước hoặc đình chỉ cụ thể là mức trung bình giữa mức tối đa và mức trung bình của khung thời gian tước, đình chỉ được quy định đối với hành vi đó; trong trường hợp có từ 02 tình tiết tăng nặng trở lên thì áp dụng mức tối đa của khung thời gian tước, đình chỉ. Nếu vừa có tình tiết tăng nặng, vừa có tình tiết giảm nhẹ thì giảm trừ một tình tiết tăng nặng với một tình tiết giảm nhẹ.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 như sau:

“1. Khi phát hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 8; khoản 6 Điều 8a; khoản 2 và khoản 3 Điều 9; khoản 3 Điều 11; khoản 3 và khoản 4 Điều 12; khoản 8 Điều 13; khoản 4 và khoản 5 Điều 18; khoản 4 Điều 19; khoản

6 Điều 24; khoản 3 Điều 28; khoản 4 Điều 31; khoản 4 Điều 34; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 3 Điều 38; khoản 7 Điều 42 Nghị định này thì người có thẩm quyền xử phạt phải chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự theo quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 62 Luật Xử lý vi phạm hành chính.”

7. Sửa đổi, bổ sung tên Mục 1 Chương II như sau:

“HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CHÀO BÁN, PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ, TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI RIÊNG LẺ, TRÁI PHIẾU KÈM CHỨNG QUYỀN RIÊNG LẺ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN”

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Vi phạm quy định về chào bán, phát hành cổ phiếu riêng lẻ, trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu khi chưa được chấp thuận hoặc thực hiện mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu không đúng với phương án đã được chấp thuận.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thực hiện chào bán, phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ không đúng thời gian quy định;

b) Không công bố báo cáo sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán hoặc phát hành đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng thành viên, báo cáo chủ sở hữu công ty hoặc không thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán hoặc phát hành trong báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán xác nhận, trừ trường hợp chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ.c) Đưa ra nhận định hoặc đảm bảo với nhà đầu tư về giá cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ trong tương lai, về mức thu nhập, lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư hoặc đảm bảo không bị thua lỗ.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký chào bán, phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ khi phát hiện thông tin không chính xác hoặc bỏ sót nội dung theo quy định phải có trong hồ sơ hoặc khi phát sinh thông tin liên quan đến hồ sơ đã nộp hoặc hồ sơ đã trình tổ chức, cá nhân có thẩm quyền;

b) Chào bán hoặc phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ không đúng với phương án đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc phương án đã được chấp thuận trong hồ sơ chào bán hoặc phát hành;

c) Công bố thông tin chứa đựng nội dung có tính chất quảng cáo, mời chào mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền được chào bán hoặc phát hành riêng lẻ; quảng cáo việc chào bán hoặc phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ trên phương tiện thông tin đại chúng;

d) Vi phạm quy định về xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp; không lưu giữ tài liệu xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định pháp luật;

đ) Chứng nhận việc chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ trong thời gian hạn chế chuyển nhượng hoặc trong trường hợp pháp luật quy định không được chuyển nhượng; thực hiện chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ vi phạm quy định tại Điều 31 Luật Chứng khoán, quy định pháp luật về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;

e) Không chuyển số tiền thu được từ đợt chào bán vào tài khoản phong tỏa mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho đến khi hoàn tất đợt chào bán và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trước khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thông báo bằng văn bản về việc xác nhận kết quả chào bán;

g) Thực hiện phân phối cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ không đúng quy định pháp luật.

4. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán hoặc phát hành riêng lẻ nhưng không thông qua Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty hoặc Chủ sở hữu công ty hoặc thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán hoặc phát hành riêng lẻ khi chưa được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho phép thực hiện; thực hiện thay đổi phương án sử dụng số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán hoặc phát hành riêng lẻ khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền với giá trị thay đổi từ 50% trở lên số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán hoặc phát hành; không báo cáo việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán hoặc phát hành tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

b) Sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán hoặc phát hành riêng lẻ không đúng với phương án đã được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị công

ty hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty hoặc Chủ sở hữu công ty thông qua hoặc nội dung đã công bố thông tin cho nhà đầu tư hoặc nội dung đã báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Chào bán, phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ khi chưa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật; chào bán, phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ nhưng không đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản cho tổ chức chào bán, phát hành và công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đã nhận đầy đủ hồ sơ đăng ký chào bán, phát hành riêng lẻ của tổ chức chào bán, phát hành;

b) Thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu đã được phát hành không đúng quy định pháp luật.

6. Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng đối với hành vi lập, xác nhận hồ sơ đăng ký chào bán, phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ có thông tin sai lệch, sai sự thật hoặc che giấu sự thật.

7. Phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 2.500.000.000 đồng đối với hành vi làm giả giấy tờ, xác nhận trên giấy tờ giả mạo chứng minh đủ điều kiện chào bán, phát hành trong hồ sơ đăng ký chào bán, phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính là giấy tờ giả mạo đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi chứng khoán đã chào bán, phát hành; hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc (nếu có) cộng thêm tiền lãi phát sinh từ tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà đầu tư đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b khoản 3, điểm b khoản 4 và điểm b khoản 5 Điều này, trong trường hợp đã chào bán, phát hành chứng khoán. Thời hạn nhà đầu tư gửi yêu cầu là tối đa 60 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành. Tiền lãi phát sinh từ tiền mua cổ phiếu riêng lẻ hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng mà tổ chức, cá nhân vi phạm mở tài khoản thu tiền mua cổ phiếu hoặc tiền đặt cọc tại thời điểm quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành; trường hợp chào bán, phát hành trái phiếu chuyển đổi,

trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ thì tiền lãi phát sinh từ tiền mua trái phiếu hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất ghi trên trái phiếu;

b) Buộc công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc công bố thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Buộc thông qua Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty hoặc Chủ sở hữu công ty về việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán hoặc phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;

d) Buộc hủy bỏ thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 Điều này;

đ) Buộc thu hồi chứng khoán đã chào bán, phát hành trong khoảng thời gian vượt quá thời gian quy định; hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc (nếu có) cộng thêm tiền lãi phát sinh từ tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thì hành đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này. Tiền lãi phát sinh từ tiền mua cổ phiếu riêng lẻ hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng mà tổ chức, cá nhân vi phạm mở tài khoản thu tiền mua cổ phiếu hoặc tiền đặt cọc tại thời điểm quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thì hành; trường hợp chào bán, phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ thì tiền lãi phát sinh từ tiền mua trái phiếu hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất ghi trên trái phiếu;

e) Buộc thu hồi chứng khoán đã chào bán, phát hành; hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc (nếu có) cộng thêm tiền lãi phát sinh từ tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thì hành đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều này, trong trường hợp đã chào bán, phát hành chứng khoán. Tiền lãi phát sinh từ tiền mua cổ phiếu riêng lẻ hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng mà tổ chức, cá nhân vi phạm mở tài khoản thu tiền mua cổ phiếu hoặc tiền đặt cọc tại thời điểm quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thì hành; trường hợp chào bán, phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ thì tiền lãi phát sinh từ tiền mua trái phiếu hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất ghi trên trái phiếu.”.

9. Bổ sung Mục 1a vào sau mục 1 Chương II như sau:

“Mục 1a

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

DOANH NGHIỆP RIÊNG LẺ CỦA CÔNG TY KHÔNG PHẢI CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, TRÁI PHIẾU KHÔNG CHUYỂN ĐỔI RIÊNG LẺ, TRÁI PHIẾU KHÔNG KÈM CHỨNG QUYỀN RIÊNG LẺ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN".

10. Bổ sung Điều 8a vào sau Điều 8 như sau:

"Điều 8a. Vi phạm quy định về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty không phải công ty đại chúng, trái phiếu không chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu khi chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị công ty hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty hoặc Chủ sở hữu công ty phê duyệt, chấp thuận hoặc thực hiện mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu không đúng với phương án đã được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị công ty hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty hoặc Chủ sở hữu công ty phê duyệt, chấp thuận.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện chào bán trái phiếu không đúng thời gian quy định.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 3 Điều 8 Nghị định này;

b) Chứng nhận việc chuyển nhượng trái phiếu trong trường hợp pháp luật quy định không được chuyển nhượng; thực hiện chuyển nhượng trái phiếu vi phạm quy định pháp luật về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;

c) Thực hiện phân phối trái phiếu không đúng quy định pháp luật.

4. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu không đúng với phương án đã được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị công ty hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty hoặc Chủ sở hữu công ty thông qua hoặc nội dung đã công bố thông tin cho nhà đầu tư hoặc được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc không đúng quy định pháp luật.

5. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Chào bán trái phiếu khi chưa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật;

b) Thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu đã phát hành không đúng quy định pháp luật;

c) Lập, xác nhận hồ sơ chào bán trái phiếu có thông tin không chính xác, không trung thực.

6. Phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 2.500.000.000 đồng đối với hành vi làm giả giấy tờ, xác nhận trên giấy tờ giả mạo chứng minh đủ điều kiện chào bán trái phiếu.”

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính là giấy tờ giả mạo đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này.”.

11. Bổ sung Mục 1b sau Mục 1a và bổ sung các Điều 8b và 8c vào sau Điều 8a như sau:

"Mục 1b

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐĂNG KÝ TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RIÊNG LẺ, ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RIÊNG LẺ, CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RIÊNG LẺ

Điều 8b. Vi phạm quy định về đăng ký trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, đăng ký giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Hành vi vi phạm quy định về thời hạn đăng ký trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi đăng ký trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ quá thời hạn đến 03 tháng;

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi đăng ký trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ quá thời hạn từ trên 03 tháng đến 12 tháng;

c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi đăng ký trái phiếu chào bán riêng lẻ quá thời hạn trên 12 tháng hoặc không đăng ký trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

2. Hành vi vi phạm quy định về thời hạn đăng ký giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi đăng ký giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ quá thời hạn đến 01 tháng;

b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi đăng ký giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ quá thời hạn từ trên 01 tháng đến 12 tháng;

c) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi đăng ký giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ quá thời hạn trên 12 tháng hoặc không đăng ký giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp hồ sơ đăng ký trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc buộc nộp hồ sơ đăng ký giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ cho Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn tối đa 60 ngày đối với hành vi không đăng ký trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ hoặc không đăng ký giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ quy định tại điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều này.

Điều 8c. Vi phạm quy định về công bố thông tin của tổ chức chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi công bố thông tin không đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật.

2. Hành vi vi phạm quy định về thời hạn công bố thông tin bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi công bố thông tin không đúng thời hạn theo quy định pháp luật;

b) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không công bố đối với thông tin phải công bố theo quy định pháp luật.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi công bố thông tin sai lệch.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

12. Bổ sung Mục 1c sau Mục 1b và bổ sung Điều 8d vào sau Điều 8c như sau:

“Mục 1c

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN ĐẾN CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RIÊNG LẺ

Điều 8d. Vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ liên quan đến chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về đại diện người sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi vi

phạm quy định về cung cấp dịch vụ đấu thầu, bảo lãnh và đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với công ty chứng khoán thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 3 Điều 8 Nghị định này.

4. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với công ty chứng khoán là thành viên giao dịch không đảm bảo nhà đầu tư thuộc đúng đối tượng mua trái phiếu theo quy định pháp luật trước khi nhập lệnh vào hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ hoặc không đảm bảo cho chính mình và khách hàng có đủ tiền và trái phiếu trước khi thực hiện giao dịch hoặc không kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của các lệnh giao dịch theo quy định pháp luật.

5. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không rà soát việc đáp ứng đầy đủ quy định về điều kiện chào bán hoặc hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định pháp luật về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;

b) Tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp phát hành cung cấp thông tin sai sự thật hoặc dễ gây hiểu lầm về trái phiếu tại hồ sơ chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán của công ty chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định về bảo lãnh phát hành quy định tại khoản 2 Điều này, hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này."

13. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 15 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 15 như sau:

"b) Không bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty hoặc không đảm bảo người phụ trách quản trị công ty đáp ứng quy định.";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 như sau:

"2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với công ty đại chúng không đưa nội dung thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của Tổng giám đốc (Giám đốc) và người quản lý khác thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty hoặc không báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.";

c) Sửa đổi, bổ sung các điểm a và b khoản 3 Điều 15 như sau:

"a) Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết không lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị; Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán không báo cáo hoạt động hoặc không đảm bảo

báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên có đầy đủ nội dung theo quy định;

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán không đảm bảo số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ủy ban kiểm toán hàng năm theo quy định; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát không báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát hoặc không đảm bảo báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên có đầy đủ nội dung theo quy định.”;

d) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 Điều 15 như sau:

“a) Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) của một công ty đại chúng; thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại quá 05 công ty khác;”;

đ) Bổ sung điểm c sau điểm b khoản 5 Điều 15 như sau:

"c) Chủ tịch Hội đồng quản trị không thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.";

e) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 6 Điều 15 như sau:

“a) Không đảm bảo số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; không đảm bảo số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành; không đảm bảo cơ cấu, số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập; không đảm bảo thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc (Giám đốc) đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định; không đảm bảo cơ cấu có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc không đảm bảo cơ cấu, số lượng thành viên Ủy ban kiểm toán;”;

g) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6 Điều 15 như sau:

"b) Không tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định; không mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối;".

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15a như sau:

"1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với công ty đại chúng thực hiện thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa hoặc thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa không đúng thời gian quy định."

15. Bổ sung điểm c sau điểm b khoản 4 Điều 24 như sau:

“c) Không thực hiện đăng ký, điều chỉnh các nội dung thay đổi thông tin liên quan tại cơ quan đăng ký kinh doanh khi nhận được Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán, các quyết định chấp thuận, điều chỉnh Giấy phép

thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán.”.

16. Sửa đổi tiêu đề khoản 5 Điều 24 như sau:

"5. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:".

17. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 24 như sau:

"7. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 và khoản 6 Điều này.

18. Bổ sung điểm d sau điểm c khoản 8 Điều 24 như sau:

"d) Buộc dừng hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ chứng khoán đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b và d khoản 5 Điều này.".

19. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 25 như sau:

"3. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện một trong các hành vi sau đây khi chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận bằng văn bản:

a) Thực hiện dịch vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 86 Luật Chứng khoán;

b) Chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ, trừ trường hợp do nguyên nhân bất khả kháng.".

20. Bổ sung khoản 3a sau khoản 3 Điều 25 như sau:

"3a. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với hành vi chào bán và niêm yết chứng khoán của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại nước ngoài khi chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.".

21. Bổ sung khoản 5 sau khoản 4 Điều 25 như sau:

"5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động nghiệp vụ môi giới chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.".

22. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 26 như sau:

a) Bổ sung điểm g sau điểm e khoản 1 Điều 26 như sau:

"g) Không thiết lập bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng;"

b) Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 2 Điều 26 như sau:

"g) Không tuân thủ quy định về tỷ lệ đầu tư an toàn của công ty chứng khoán, về nguồn vốn đầu tư, công cụ đầu tư khi thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;"

c) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 3 Điều 26 và bổ sung điểm k sau điểm i khoản 3 Điều 26 như sau:

“đ) Vi phạm quy định về nghiệp vụ tự doanh chứng khoán; vi phạm quy định về điều kiện, hạn chế bảo lãnh phát hành chứng khoán; vi phạm quy định về hạn chế đầu tư của công ty chứng khoán; vi phạm quy định về phát hành, chào bán sản phẩm tài chính; vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ tư vấn, trừ hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 8d và khoản 5a Điều này;”;

k) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 3 Điều 8 Nghị định này.”

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 26 như sau:

"4. Hành vi vi phạm quy định về giao dịch ký quỹ bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về mở tài khoản giao dịch ký quỹ, thời hạn cho vay giao dịch ký quỹ;

b) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ, về ngừng thực hiện giao dịch ký quỹ;

c) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về tỷ lệ ký quỹ ban đầu, tỷ lệ ký quỹ duy trì, hạn chế giao dịch ký quỹ; cho khách hàng thực hiện giao dịch ký quỹ, rút tiền vượt quá sức mua hiện có trên tài khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng; không thực hiện quản lý tách biệt tài khoản giao dịch ký quỹ với tài khoản giao dịch thông thường và tài khoản có sử dụng tiền vay của tổ chức tín dụng, tài khoản giao dịch trong ngày, tài khoản giao dịch bán không có bảo đảm.”

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 Điều 26 như sau:

"a) Không xây dựng hệ thống quản lý tách bạch tiền của khách hàng theo phương thức khách hàng của công ty chứng khoán mở tài khoản trực tiếp tại ngân hàng thương mại do công ty chứng khoán lựa chọn để quản lý tiền giao dịch chứng khoán; không thực hiện quản lý tách biệt tài sản của từng khách hàng, tách biệt tài sản của khách hàng với tài sản của công ty chứng khoán;".

g) Bổ sung khoản 5a và khoản 5b vào sau khoản 5 Điều 26 như sau:

“5a. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với công ty chứng khoán thực hiện hành vi vi phạm quy định về trách nhiệm rà soát, kiểm tra thông tin trong hồ sơ chào bán, phát hành chứng khoán theo quy định pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 8d Nghị định này.

5b. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với công ty chứng khoán không thực hiện giám sát giao dịch chứng khoán theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính; không thực hiện báo cáo khi phát hiện giao dịch chứng khoán có dấu hiệu vi phạm các quy định pháp luật về chứng khoán; không lập và

gửi báo cáo bất thường, báo cáo theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con liên quan đến giao dịch chứng khoán theo quy định.”

h) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 26 như sau:

"7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 4 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động nghiệp vụ môi giới chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này.”;

i) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 26 như sau:

"8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hoàn trả chứng khoán, tiền thuộc sở hữu của khách hàng trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này;

b) Buộc xây dựng hệ thống quản lý tách bạch tiền của khách hàng trong thời hạn 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 5 Điều này.”.

23. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản tại Điều 27 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 27 như sau:

“d) Không tuân thủ tỷ lệ đầu tư hoặc không tuân thủ quy định về việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư; không tuân thủ quy định về tỷ lệ đầu tư an toàn của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán hoặc của quỹ đầu tư chứng khoán hoặc về nguồn vốn đầu tư hoặc công cụ đầu tư khi thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài; không tuân thủ quy định về thông tin, quảng cáo, giới thiệu quỹ;”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 27 như sau:

"6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài có thời hạn từ 01 đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm i khoản 4 và điểm c khoản 5 Điều này.”.

24. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 28 như sau:

"b) Không ban hành quy trình định giá giá trị tài sản ròng công ty đầu tư chứng khoán.”

25. Bổ sung khoản 2a sau khoản 2 Điều 28 như sau:

"2a. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ tự quản lý vốn không xác định giá trị tài sản ròng hoặc định giá sai giá trị tài sản ròng công ty đầu tư chứng khoán.”

26. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản tại Điều 32 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tiêu đề khoản 1 Điều 32 như sau:

"1. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:"

b) Sửa đổi, bổ sung tiêu đề khoản 2 Điều 32 như sau:

"2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:"

c) Bổ sung điểm c sau điểm b khoản 2 Điều 32 như sau:

"c) Không giám sát người hành nghề chứng khoán bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán.";

d) Sửa đổi, bổ sung tiêu đề khoản 4 Điều 32 như sau:

"4. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:"

đ) Sửa đổi, bổ sung tiêu đề khoản 5 Điều 32 như sau:

"5. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:"

e) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 7 Điều 32 như sau:

"b) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều này.".

27. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:

"Điều 33. Vi phạm quy định về giao dịch của cổ đông sáng lập; cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng; nhà đầu tư, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành hoặc từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng; người nội bộ của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, quỹ đại chúng và người có liên quan của người nội bộ

1. Hành vi vi phạm quy định về thời hạn báo cáo về kết quả thực hiện giao dịch bị xử phạt theo giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ) như sau:

a) Cảnh cáo đối với hành vi báo cáo không đúng thời hạn hoặc không báo cáo về kết quả thực hiện giao dịch nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 2.500.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đúng thời hạn và phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo về kết quả thực hiện giao dịch nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 400.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đúng thời hạn và phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo về kết quả thực hiện giao dịch nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 400.000.000 đồng đến dưới 600.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đúng thời hạn và phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo về kết quả thực hiện giao dịch nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 600.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;

đ) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đúng thời hạn và phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo về kết quả thực hiện giao dịch nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng;

e) Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đúng thời hạn và phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo về kết quả thực hiện giao dịch nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng;

g) Phạt tiền từ 35.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đúng thời hạn và phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo về kết quả thực hiện giao dịch nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 5.000.000.000 đồng đến dưới 10.000.000.000 đồng;

h) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đúng thời hạn và phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo về kết quả thực hiện giao dịch nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 10.000.000.000 đồng trở lên.

2. Hành vi vi phạm quy định về giao dịch theo thời gian, số lượng, giá trị Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam hoặc công ty con công bố thông tin bị xử phạt theo giá trị chứng khoán giao dịch thực tế tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ) như sau:

a) Cảnh cáo nếu giao dịch có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 400.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 400.000.000 đồng đến dưới 600.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 600.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;

đ) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng;

e) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng;

g) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 5.000.000.000 đồng đến dưới 10.000.000.000 đồng;

h) Phạt tiền từ 1% đến 2% giá trị chứng khoán giao dịch thực tế nếu giao dịch có giá trị từ 10.000.000.000 đồng trở lên. Trường hợp mức phạt tiền cao hơn mức phạt tiền tối đa quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định này thì áp dụng mức phạt tiền tối đa quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

3. Hành vi không báo cáo về việc dự kiến giao dịch bị xử phạt theo giá trị chứng khoán giao dịch thực tế tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ) như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 400.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 400.000.000 đồng đến dưới 600.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 600.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;

đ) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng;

e) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng;

g) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 5.000.000.000 đồng đến dưới 10.000.000.000 đồng;

h) Phạt tiền 3% đến 5% giá trị chứng khoán giao dịch thực tế nếu giao dịch có giá trị từ 10.000.000.000 đồng trở lên. Trường hợp mức phạt tiền cao hơn mức phạt tiền tối đa quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định này thì áp dụng mức phạt tiền tối đa quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

4. Hành vi vi phạm quy định về thời hạn báo cáo khi có thay đổi về tỷ lệ cổ phiếu hoặc chứng chỉ quỹ sở hữu qua các ngưỡng 1% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc chứng chỉ quỹ của quỹ đóng thì bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đúng thời hạn khi có thay đổi về tỷ lệ cổ phiếu hoặc chứng chỉ quỹ sở hữu qua các ngưỡng 1% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc chứng chỉ quỹ của quỹ đóng;

b) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo khi có thay đổi về tỷ lệ cổ phiếu hoặc chứng chỉ quỹ sở hữu qua các ngưỡng 1% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc chứng chỉ quỹ của quỹ đóng.

5. Hành vi vi phạm quy định về thời hạn báo cáo khi sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng hoặc chứng chỉ quỹ của quỹ đóng, khi không còn là cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đúng thời hạn khi sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng hoặc chứng chỉ quỹ của quỹ đóng, khi không còn là cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng;

b) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo khi sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng hoặc chứng chỉ quỹ của quỹ đóng, khi không còn là cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng;

6. Hành vi vi phạm quy định về thời hạn báo cáo của cổ đông sáng lập trước khi thực hiện giao dịch cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đúng thời hạn trước khi thực hiện giao dịch cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng;

b) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo trước khi thực hiện giao dịch cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm h khoản 2 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn từ 12 tháng đến 24 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm h khoản 3 Điều này.”.

28. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 34 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 34 như sau:

“1. Đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn 18 tháng đến 24 tháng đối với hành vi cho người khác mượn tài khoản để giao dịch chứng khoán hoặc đứng tên sở hữu chứng khoán hộ người khác dẫn đến hành vi thao túng thị

trường chứng khoán.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 34 như sau:

“b) Vi phạm quy định về hoạt động đầu tư, giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;”.

29. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 35 như sau:

"2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này."

30. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 36 như sau:

"2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này."

31. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 3 Điều 39 như sau:

"e) Không thiết lập hệ thống bảo đảm việc quản lý tách biệt tài khoản, tài sản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam với tài khoản, tài sản của thành viên bù trừ hoặc không thiết lập và vận hành hệ thống tài khoản để quản lý tách biệt tài sản, giao dịch của từng nhà đầu tư và của nhà đầu tư với thành viên bù trừ; Không tách biệt tài khoản, tài sản của từng thành viên bù trừ hoặc không tách biệt tài khoản, tài sản của thành viên bù trừ và các khách hàng của chính thành viên bù trừ hoặc không tách biệt tài khoản và tài sản ký quỹ bù trừ với thị trường chứng khoán phái sinh hoặc không tách biệt giữa tài sản ký quỹ, tiền gửi thanh toán cho giao dịch chứng khoán phái sinh và tiền gửi thanh toán cho giao dịch chứng khoán cơ sở;"

32. Sửa đổi, bổ sung cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam" thành "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con" tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 7 Điều 39.

33. Sửa đổi, bổ sung Điều 42 như sau:

“Điều 42. Vi phạm quy định về công bố thông tin

1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không thực hiện đăng ký, đăng ký lại người công bố thông tin hoặc người được ủy quyền công bố thông tin hoặc không ban hành quy chế về công bố thông tin;

b) Không thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng

khoản Việt Nam và công ty con về địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này theo quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật về phương tiện, hình thức hoặc ngôn ngữ công bố thông tin;

b) Không lưu giữ thông tin công bố theo quy định pháp luật.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Công bố thông tin không đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 4 Điều 123, khoản 3 Điều 124 Luật Chứng khoán;

b) Công bố thông tin cá nhân của chủ thể khi chưa được chủ thể đồng ý.

4. Hành vi vi phạm quy định về thời hạn công bố thông tin bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi công bố thông tin không đúng thời hạn theo quy định pháp luật hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 4 Điều 123, khoản 3 Điều 124 Luật Chứng khoán;

b) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không công bố đối với thông tin phải công bố theo quy định pháp luật hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 4 Điều 123, khoản 3 Điều 124 Luật Chứng khoán.

5. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không xác nhận hoặc đính chính thông tin hoặc xác nhận, đính chính thông tin không đúng thời hạn theo quy định pháp luật khi có thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán hoặc khi nhận được yêu cầu xác nhận, đính chính thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con theo quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 4 Điều 123, khoản 3 Điều 124 Luật Chứng khoán.

6. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi công bố thông tin sai lệch.

7. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi tạo dựng thông tin sai sự thật hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Chứng khoán.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán; hoạt động văn phòng đại diện; hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán; hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hủy bỏ thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này;

b) Buộc cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này.

34. Sửa đổi, bổ sung Điều 43 như sau:

“Điều 43. Vi phạm quy định về báo cáo

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không lưu giữ thông tin đã báo cáo theo quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 4 Điều 123, khoản 3 Điều 124 Luật Chứng khoán.

3. Hành vi vi phạm quy định về thời hạn báo cáo bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đúng thời hạn theo quy định pháp luật hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 4 Điều 123, khoản 3 Điều 124 Luật Chứng khoán;

b) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo đối với thông tin phải báo cáo theo quy định pháp luật hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 4 Điều 123, khoản 3 Điều 124 Luật Chứng khoán.

4. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo có nội dung sai lệch hoặc sai sự thật.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc báo cáo thông tin chính xác đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.”.

35. Sửa đổi, bổ sung Mục 14 Chương II và Điều 45 như sau:

"Mục 14

**HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN,
TÀI TRỢ KHỦNG BỐ VÀ TÀI TRỢ PHỔ BIẾN VŨ KHÍ HỦY DIỆT
HÀNG LOẠT TRONG LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG
CHỨNG KHOÁN**

Điều 45. Hành vi vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền, tài trợ

khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán

Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện hành vi vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán thì bị xử phạt theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng."

36. Bổ sung Mục 14a sau Mục 14 Chương II và các Điều 45a, Điều 45b, Điều 45c, Điều 45d, Điều 45đ và Điều 45e sau Điều 45 như sau:

"Mục 14a **HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ TÀI SẢN MÃ HÓA** **VÀ THỊ TRƯỜNG TÀI SẢN MÃ HÓA**

Điều 45a. Vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa

1. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

- a) Không thực hiện xác minh danh tính nhà đầu tư mở tài khoản;
- b) Không nộp hoặc nộp Bản cáo bạch và các tài liệu liên quan đến phát hành tài sản mã hóa không đúng thời hạn theo quy định đến Bộ Tài chính;
- c) Không lưu trữ đầy đủ hồ sơ, dữ liệu, tài liệu, chứng từ liên quan đến giao dịch của nhà đầu tư theo quy định.

2. Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

- a) Không thực hiện nộp hồ sơ cấp lại, điều chỉnh Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa theo quy định;
- b) Không đảm bảo thông tin quảng cáo, tiếp thị về tài sản mã hóa chính xác, đầy đủ, rõ ràng, không gây hiểu lầm.

3. Phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng đối với tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

- a) Không quản lý tách biệt tài sản mã hóa của khách hàng với tài sản của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa;
- b) Không thực hiện giám sát hoạt động giao dịch tài sản mã hóa; Không đảm bảo đúng đối tượng tham gia hoạt động phát hành tài sản mã hóa, giao dịch tài sản mã hóa thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa theo quy định.

4. Phạt tiền từ 1.500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- a) Thực hiện tự doanh tài sản mã hóa hoặc cung cấp dịch vụ lưu ký tài sản mã hóa hoặc cung cấp nền tảng phát hành tài sản mã hóa khi chưa được cấp phép;

b) Thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản mã hóa không thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa được cấp phép tại Việt Nam; Thực hiện quảng cáo, tiếp thị liên quan đến tài sản mã hóa khi chưa được cấp phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa tại Việt Nam;

c) Tiếp tục hoạt động hoặc thực hiện cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản mã hóa hoặc không thực hiện tất toán tài sản của khách hàng theo quy định khi bị thu hồi giấy phép;

d) Không đảm bảo tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn hệ thống công nghệ thông tin, bảo vệ tài sản của khách hàng.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, khoản 3 và điểm d khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Buộc dừng thực hiện các hoạt động hoặc cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản mã hóa, dừng thực hiện quảng cáo, tiếp thị liên quan đến tài sản mã hóa đối với các hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b và c khoản 4 Điều này.

Điều 45b. Vi phạm quy định về tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa

1. Phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng đối với tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thực hiện hành vi đưa loại tài sản mã hóa vào giao dịch khi chưa báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 1.500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa khi chưa được cấp phép.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Buộc gỡ bỏ trang thông tin điện tử, phần mềm, hệ thống giao dịch và các trang thiết bị khác được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 45c. Hành vi vi phạm quy định về báo cáo, công bố thông tin liên quan đến tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Báo cáo hoặc công bố thông tin không đầy đủ nội dung theo quy định

pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

b) Báo cáo hoặc công bố thông tin không đúng thời hạn theo quy định pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo hoặc không công bố đối với thông tin phải công bố theo quy định pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo hoặc công bố thông tin sai lệch.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 45d. Hành vi vi phạm quy định về giao dịch trên thị trường tài sản mã hóa

1. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không mở tài khoản và chuyển tài sản mã hóa đang sở hữu về lưu giữ, giao dịch tại tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa do Bộ Tài chính cấp phép trong thời hạn quy định.

2. Phạt tiền 1.500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng thông tin nội bộ để giao dịch tài sản mã hóa hoặc thao túng thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa có thời hạn từ 03 tháng đến 05 tháng đối với tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa có hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 45đ. Hành vi vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt liên quan đến tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa

Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thực hiện hành vi vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt liên quan đến tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa thì bị xử phạt theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng."

37. Sửa đổi tiêu đề Chương III như sau:

“Chương III

THẨM QUYỀN XỬ PHẠT, LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH, ÁP DỤNG HÌNH THỨC XỬ PHẠT BỔ SUNG, BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ ĐỐI VỚI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN, TÀI SẢN MÃ HÓA VÀ THỊ TRƯỜNG TÀI SẢN MÃ HÓA

38. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 47, điểm c khoản 3 Điều 47 và bổ sung khoản 4 sau khoản 3 Điều 47 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 47 như sau:

“c) Phạt tiền tối đa đến 3.000.000.000 đồng đối với tổ chức và phạt tiền tối đa đến 1.500.000.000 đồng đối với cá nhân có các hành vi vi phạm khác trong lĩnh vực chứng khoán và có các hành vi vi phạm quy định về tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa được quy định tại Nghị định này;”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 47 như sau:

“c) Phạt tiền tối đa đến 3.000.000.000 đồng đối với tổ chức và phạt tiền tối đa đến 1.500.000.000 đồng đối với cá nhân có các hành vi vi phạm khác trong lĩnh vực chứng khoán và có các hành vi vi phạm quy định về tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa được quy định tại Nghị định này;”

c) Bổ sung khoản 4 sau khoản 3 Điều 47 như sau:

“4. Chánh Thanh tra Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa tại Điều 45 và Điều 45đ Nghị định này theo thẩm quyền quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính.”

39. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 48 như sau:

“3. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được áp dụng thủ tục xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản trong trường hợp xử phạt cảnh cáo vi phạm tại quy định tại khoản 1 Điều 13, điểm a khoản 1 Điều 14, điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 33, khoản 1 Điều 42, điểm a khoản 1 Điều 44 Nghị định này, trừ trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện nhờ sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ.”

40. Sửa đổi, bổ sung Điều 49 như sau:

“Điều 49. Áp dụng hình thức đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán, đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa

1. Khi áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20, khoản 7 Điều 24,

khoản 7 Điều 26, khoản 6 Điều 27, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 36, khoản 8 Điều 42, điểm a khoản 3 Điều 46 Nghị định này, người có thẩm quyền quy định tại Điều 47 Nghị định này có quyền ra quyết định đình chỉ có thời hạn một, một số hoặc toàn bộ nghiệp vụ kinh doanh, dịch vụ chứng khoán của tổ chức vi phạm.

Khi áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa quy định tại khoản 5 Điều 45a, khoản 3 Điều 45d Nghị định này, người có thẩm quyền quy định tại Điều 47 Nghị định này có quyền ra quyết định đình chỉ có thời hạn việc cung cấp một, một số hoặc toàn bộ dịch vụ liên quan đến tài sản mã hóa của tổ chức vi phạm.

2. Trường hợp chỉ ra quyết định đình chỉ có thời hạn một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh, dịch vụ chứng khoán, dịch vụ tài sản mã hóa thì người có thẩm quyền quy định tại Điều 47 Nghị định này phải ghi rõ trong quyết định xử phạt về nghiệp vụ kinh doanh, dịch vụ chứng khoán, dịch vụ tài sản mã hóa bị đình chỉ, thời hạn đình chỉ và hiệu lực thi hành của quyết định đình chỉ.

3. Trường hợp bị đình chỉ có thời hạn hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán, dịch vụ tài sản mã hóa, tổ chức bị xử phạt phải dừng ngay một phần hoặc toàn bộ nghiệp vụ kinh doanh, dịch vụ chứng khoán, dịch vụ tài sản mã hóa được ghi trong quyết định xử phạt, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành và phải tuân thủ các quy định cấm hoặc hạn chế thực hiện trong thời gian bị đình chỉ hoạt động.

4. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt phải gửi quyết định xử phạt cho tổ chức bị xử phạt, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.”

41. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 51 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 51 như sau:

“3. Thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này là tối đa 30 ngày, kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả có hiệu lực thi hành, trừ các trường hợp quy định tại các điểm a, b và e khoản 9 Điều 8; điểm c khoản 9 Điều 8 trong trường hợp buộc thông qua Đại hội đồng cổ đông gần nhất; khoản 3 Điều 8b; các điểm a và b khoản 5 Điều 9, các điểm a, b và c khoản 8 Điều 10, các điểm b và c khoản 6 Điều 12, khoản 3 Điều 15a, điểm d khoản 6 Điều 17, điểm a khoản 7 Điều 18, khoản 8 Điều 26, khoản 7 Điều 27, điểm c khoản 8 Điều 32, điểm b khoản 6 Điều 34, khoản 7 Điều 39, điểm a khoản 6 Điều 40, khoản 4 Điều 44, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Nghị định này. Cá nhân, tổ chức vi phạm phải báo cáo người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt về kết quả thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản này trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn chấp hành biện pháp khắc phục hậu quả.”

b) Sửa đổi, bổ sung tiêu đề khoản 4 Điều 51 như sau:

“4. Việc thu hồi chứng khoán đã chào bán, phát hành; hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc (nếu có) và tiền lãi phát sinh từ tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc quy định tại các điểm a, đ, e khoản 9 Điều 8, các điểm a, b khoản 5 Điều 9, điểm a khoản 8 Điều 10, các điểm b, c khoản 6 Điều 12 Nghị định này được áp dụng trong trường hợp chứng khoán đã chào bán, phát hành chưa được đưa vào niêm yết, đăng ký giao dịch và được thực hiện như sau:”

c) Sửa đổi, bổ sung các điểm a và b khoản 5 Điều 51 như sau:

“a) Trường hợp bị áp dụng biện pháp buộc hoàn trả tiền cho khách hàng đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 8 Điều 26, điểm c khoản 8 Điều 32 Nghị định này, tổ chức, cá nhân vi phạm phải hoàn trả cho khách hàng toàn bộ số tiền trên tài khoản của khách hàng bị lạm dụng, chiếm dụng, tạm giữ, cho mượn, sử dụng trái quy định pháp luật cộng thêm tiền lãi tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản của khách hàng tại thời điểm quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực. Khoản tiền lãi mà tổ chức, cá nhân vi phạm phải trả cho khách hàng được tính từ ngày tiền trên tài khoản của khách hàng bị lạm dụng, chiếm dụng, tạm giữ, cho mượn, sử dụng trái quy định pháp luật đến ngày tổ chức, cá nhân vi phạm trả lại tiền cho khách hàng;

b) Trường hợp bị áp dụng biện pháp buộc hoàn trả chứng khoán cho khách hàng đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 8 Điều 26, điểm c khoản 8 Điều 32 Nghị định này, tổ chức, cá nhân vi phạm phải hoàn trả cho khách hàng số chứng khoán đã bị lạm dụng, chiếm dụng, tạm giữ, cho mượn, sử dụng trái quy định pháp luật cộng thêm số chứng khoán, số tiền phát sinh từ số chứng khoán đã bị lạm dụng, chiếm dụng, tạm giữ, cho mượn, sử dụng trái quy định pháp luật (nếu có) trong thời gian lạm dụng, chiếm dụng, tạm giữ, cho mượn, sử dụng trái quy định pháp luật;”

42. Sửa cụm từ “Buộc hủy bỏ thông tin hoặc cải chính thông tin” và cụm từ “Buộc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin” thành “Buộc cải chính thông tin” tại khoản 4 Điều 8c, điểm c khoản 5 Điều 9, điểm a khoản 6 Điều 12, điểm b khoản 7 Điều 18, khoản 5 Điều 19, điểm b khoản 8 Điều 24, khoản 4 Điều 28, khoản 5 Điều 31.

43. Sửa cụm từ “Phát hành thêm” thành “Chào bán, phát hành khác” tại tiêu đề Mục IV Chương II, tiêu đề Điều 12 và khoản 1, khoản 1a, khoản 2, khoản 3, khoản 4, điểm c khoản 6 Điều 12.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh và Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 5 như sau:

“d) Danh sách Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) phụ trách nghiệp vụ và các nhân viên cho mỗi hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh theo hướng dẫn tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Nghị định

này, kèm theo hồ sơ thông tin cá nhân của các cá nhân nêu trên. Hồ sơ cá nhân tối thiểu bao gồm bản sao chứng thực thẻ căn cước hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu, bản sao chứng thực hợp đồng lao động;”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. Tài liệu thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này được miễn trừ trong trường hợp tài liệu đó đã được gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định về báo cáo và công bố thông tin. Trường hợp cá nhân thuộc danh sách quy định tại điểm d khoản 1 Điều này có tài khoản định danh điện tử đã được xác thực và hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã kết nối, chia sẻ được dữ liệu với hệ thống thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, cá nhân chỉ phải nộp bản sao chứng thực hợp đồng lao động và cung cấp thông tin theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này”.

3. Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 3. Bãi bỏ một số quy định tại Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán như sau:

Bãi bỏ khoản 2 Điều 3.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025.

2. Điều khoản chuyên tiếp:

Đối với các hành vi vi phạm hành chính về chứng khoán và thị trường chứng khoán đã có quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà cá nhân, tổ chức còn khiếu nại, khởi kiện thì được giải quyết theo quy định của pháp luật xử phạt vi phạm hành chính về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật liên quan có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm.

3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện:

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng BCD TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư; Văn phòng Chủ tịch nước;

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính

- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- TANDTC; VKSNDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (3b).

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số /202 /NĐ-CP
ngày tháng năm 202 của Chính phủ)

Mẫu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC, NHÂN VIÊN
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Tên tổ chức:
2. Giấy phép thành lập và hoạt động số:
3. Trụ sở chính:
4. Điện thoại: Fax:

Chúng tôi xin đăng ký danh sách thành viên Ban Giám đốc Công ty phụ trách, nhân viên nghiệp vụ hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh cùng mẫu chữ ký như sau:

STT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Số định danh cá nhân ³	Số Hộ chiếu ⁴	Chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán ⁵	Chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh ⁶	Vị trí công tác dự kiến	Chữ ký

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực về những nội dung trên.

Hồ sơ cá nhân kèm theo:
(Liệt kê đầy đủ)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

³ 1. Đối với công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam hoặc người nước ngoài đã được cấp số định danh cá nhân.

⁴ 2. Đối với người nước ngoài chưa có số định danh cá nhân.

⁵ Ghi rõ loại, số hiệu, ngày cấp.

⁶ Ghi rõ số hiệu, ngày cấp.

